

TỔNG CÔNG TY QUẢN LÝ BAY VIỆT NAM
CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT QUẢN LÝ BAY

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
6 THÁNG ĐẦU NĂM 2018
(TỔNG HỢP)

Địa chỉ: Số 5/200, Đường Nguyễn Sơn, Phường Bồ Đề, Quận Long Biên, TP Hà Nội, Việt Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TỔNG HỢP)

6 tháng đầu năm 2018

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2018

Đơn vị tính: đồng

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối quý 30/06/2018	Số đầu năm 01/01/2018
1	2	3	4	5
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		220.998.442.167	223.823.913.233
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	99.255.659.211	108.571.919.202
1. Tiền	111		58.490.843.819	49.304.587.681
2. Các khoản tương đương tiền	112		40.764.815.392	59.267.331.521
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		106.294.770.461	100.040.538.341
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	69.259.818.532	78.858.176.128
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		25.567.511.837	10.967.916.836
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	6	11.467.440.092	10.214.445.377
IV. Hàng tồn kho	140	7	14.887.222.041	14.065.360.106
1. Hàng tồn kho	141		15.129.403.894	14.307.541.959
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(242.181.853)	(242.181.853)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		560.790.454	1.146.095.584
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	9	549.317.762	1.137.004.906
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		11.472.692	9.090.678
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153			
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		183.122.333.591	193.021.839.248
I. Các khoản phải thu dài hạn	210	6		10.000.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211			
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212			
3. Phải thu dài hạn khác	216			10.000.000
II. Tài sản cố định	220		150.018.832.573	170.760.713.986
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	143.157.783.436	163.822.208.785
- Nguyên giá	222		544.271.391.082	540.874.475.979
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(401.113.607.646)	(377.052.267.194)
2. Tài sản cố định vô hình	227	11	6.861.049.137	6.938.505.201
- Nguyên giá	228		13.505.384.097	12.875.421.171
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(6.644.334.960)	(5.936.915.970)
III. Bất động sản đầu tư	230			
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		28.028.532.453	16.119.857.200
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241			
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	8	28.028.532.453	16.119.857.200

V. Đầu tư tài chính dài hạn	250			
VI. Tài sản dài hạn khác	260		5.074.968.565	6.131.268.062
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	9	975.510.151	1.591.079.853
2. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		4.099.458.414	4.540.188.209
3. Tài sản dài hạn khác	268			
Tổng cộng tài sản (270=100+200)	270		404.120.775.758	416.845.752.481
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		103.295.313.255	120.388.530.306
I. Nợ ngắn hạn	310		61.239.498.444	82.112.586.954
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	12	1.165.615.661	4.882.527.224
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	13	17.968.888.103	7.184.006.822
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	14	6.579.330.614	8.441.346.122
4. Phải trả người lao động	314		20.548.648.927	41.696.718.421
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	15	3.646.444.710	6.184.406.950
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	16	1.170.379.858	954.665.854
7. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	17	1.505.038.965	1.513.150.424
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		8.655.151.606	11.255.765.137
II. Nợ dài hạn	330		42.055.814.811	38.275.943.352
1. Phải trả người bán dài hạn	331			
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332	13	31.428.525.284	27.647.343.800
3. Dự phòng phải trả dài hạn	342			
4. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		10.627.289.527	10.628.599.552
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	18	300.825.462.503	296.457.222.175
I. Vốn chủ sở hữu	410		300.825.462.503	296.457.222.175
1. Vốn góp của Chủ sở hữu	411		279.084.000.000	279.084.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		13.751.471.891	9.419.618.865
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		7.989.990.612	7.953.603.310
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		7.953.603.310	945.583.506
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		36.387.302	7.008.019.804
Tổng cộng nguồn vốn (440=300+400)			404.120.775.758	416.845.752.481

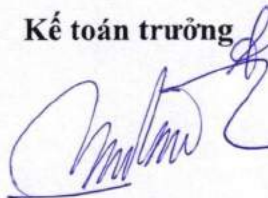
Lập, ngày 13 tháng 07 năm 2018

Người lập biểu



Uông Thị Thu Huyền

Kế toán trưởng



Nguyễn Như Thành

Giám đốc



Nguyễn Hoàng Giang

Địa chỉ: Số 5/200, Đường Nguyễn Sơn, Phường Bồ Đề, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ (TỔNG HỢP)

(Dạng đầy đủ)

6 tháng đầu năm 2018

Đơn vị tính: đồng

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
				Năm nay	Năm trước
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	19	132.908.976.722	116.040.092.686
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3	Doanh thu thuần từ bán hàng hoá và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	19	132.908.976.722	116.040.092.686
4	Giá vốn hàng bán và dịch vụ	11	20	88.200.698.892	73.566.387.392
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		44.708.277.830	42.473.705.294
6	Doanh thu hoạt động tài chính	21	21	750.416.644	698.179.964
7	Chi phí tài chính	22	22	18.111.935	37.844.427
	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		-	-
8	Chi phí bán hàng	25		2.035.705	4.853.629
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		23.332.159.701	25.480.582.586
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh ((30=20+(21-22)-(25+26))	30		22.106.387.133	17.648.604.616
11	Thu nhập khác	31	23	114.177.916	168.716.222
12	Chi phí khác	32	24	112.758.698	244.273.912
13	Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		1.419.218	(75.557.690)
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		22.107.806.351	17.573.046.926
15	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	25	4.968.360.762	3.810.103.099
16	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17	Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)	60		17.139.445.589	13.762.943.827

Lập ngày 13 tháng 07 năm 2018

Người lập biểu

Uông Thị Thu Huyền

Kế toán trưởng

Nguyễn Như Thành

Giám đốc
CÔNG TY
TNHH
KỸ THUẬT QUẢN LÝ
BAY
S.Đ.K.K.D. 019493665-Q. LONG BIÊN - TP. HÀ NỘI
Nguyễn Hoàng Giang

Địa chỉ: Số 5/200, Đường Nguyễn Sơn, Phường Bồ Đề, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ - TỔNG HỢP

(Dạng đầy đủ)

(Theo phương pháp trực tiếp)

6 tháng đầu năm 2018


Đơn vị tính: đồng

Chi tiêu	Mã số	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
		Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	169.695.411.950	178.207.885.797
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	02	(61.628.438.257)	(52.689.662.899)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(65.130.592.124)	(56.208.347.400)
4. Tiền lãi vay đã trả	04	-	-
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	(7.653.215.277)	(4.698.559.108)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	16.764.889.765	5.928.008.009
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(47.421.045.193)	(36.998.660.311)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	4.627.010.864	33.540.664.088
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(13.599.013.036)	(3.331.607.983)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	633.705.463	666.037.348
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(12.965.307.573)	(2.665.570.635)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	-	-
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	-	-
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(1.020.653.433)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(1.020.653.433)	-
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50	(9.358.950.142)	30.875.093.453
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	108.571.919.202	87.334.299.702
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	42.690.151	2.946.943
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70= 50+60+61)	70	99.255.659.211	118.212.340.098

Người lập biểu


Uông Thị Thu Huyền

Kế toán trưởng


Nguyễn Như Thành

Lập, ngày 13 tháng 07 năm 2018



Nguyễn Hoàng Giang

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TỔNG HỢP)

MÃ SỐ B 09a - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty TNHH Kỹ thuật Quản lý Bay (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0104831665 cấp lần đầu vào ngày 09 tháng 08 năm 2010 và Giấy đăng ký kinh doanh sửa đổi lần 8 vào ngày 13 tháng 02 năm 2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Vốn điều lệ của Công ty là: 279.084.000.000 đồng.

Tổng số lao động trong Công ty

Tổng số lao động của Công ty tại ngày 30/06/2018 là 388 người (tại ngày 30/06/2017 là 386 người).

Thông tin về Ban lãnh đạo

Hội đồng thành viên Tổng công ty Quản lý bay Việt Nam ban hành Quyết định số 35/QĐ-HĐTV ngày 01/02/2018 về việc bổ nhiệm Ông Nguyễn Hoàng Giang giữ chức Giám đốc Công ty TNHH Kỹ thuật Quản lý bay kể từ ngày 01/02/2018.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải hàng không: Dịch vụ bay kiểm tra, hiệu chuẩn hệ thống kỹ thuật, thiết bị dẫn đường, giám sát hàng không; Đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ cho nhân viên hàng không; Cung ứng dịch vụ thông tin, chỉ đường, giám sát hàng không; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp khác cho vận tải hàng không;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê: Cho thuê tài sản trên đất, cho thuê văn phòng, mặt bằng kinh doanh; Đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật
- Hoạt động hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu, chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh;
- Dịch vụ hỗ trợ giáo dục;
- Giáo dục nghề nghiệp;
- Cung ứng và quản lý nguồn lao động; (chỉ hoạt động khi được cơ quan có thẩm quyền cho phép, không bao gồm môi giới, giới thiệu, tuyển dụng và cung ứng lao động cho các Doanh nghiệp có chức năng xuất khẩu lao động và cung ứng, quản lý người lao động đi làm việc ở nước ngoài);
- Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan, chi tiết: Giám sát thi công xây dựng và hoàn thiện công trình dân dụng và công nghiệp, lĩnh vực chuyên môn giám sát: xây dựng và hoàn thiện; Thiết kế kết cấu công trình dân dụng và công nghiệp; Thiết kế kiến trúc công trình; Lập dự án đầu tư xây dựng công trình; Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình; Dịch vụ tư vấn lập hồ sơ mời thầu và đánh giá hồ sơ dự thầu; Tư vấn quản lý chi phí hạng 2: *Lập, thẩm tra tổng mức đầu tư (trừ các dự án quan trọng quốc gia); Đánh giá hiệu quả dự án đầu tư xây dựng công trình (trừ các dự án quan trọng quốc gia); Xác định chỉ tiêu xuất vốn đầu tư, định mức, đơn giá xây dựng công trình, chi số giá xây dựng; Đo bóc khối lượng xây dựng công trình; Lập, thẩm tra dự toán xây dựng công trình; Xác định giá gói thầu, giá hợp đồng trong hoạt động xây dựng; Kiểm soát chi phí xây dựng công trình (trừ các dự án quan trọng quốc gia); Lập hồ sơ thanh toán, quyết toán hợp đồng; Lập hồ sơ thanh toán, quyết toán vốn đầu tư xây dựng công trình; (không bao gồm các hoạt động: lập, thẩm tra tổng mức đầu tư; đánh*

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TỔNG HỢP)

MÃU SỐ B 09a - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (Tiếp theo)

giá hiệu quả dự án đầu tư xây dựng công trình và kiểm soát chi phí xây dựng công trình đối với các dự án trọng điểm quốc gia).

- Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan (không bao gồm thiết lập mạng và kinh doanh hạ tầng bưu chính viễn thông);
- Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính;
- Tư vấn máy vi tính;
- Lắp trình máy vi tính;
- Hoạt động viễn thông không dây (không bao gồm thiết lập mạng và kinh doanh hạ tầng bưu chính viễn thông);
- Hoạt động viễn thông có dây (không bao gồm thiết lập mạng và kinh doanh hạ tầng bưu chính viễn thông);
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường);
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông;
- Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác;
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác;
- Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Xây dựng công trình công ích;
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp;
- Sửa chữa thiết bị khác;
- Sửa chữa thiết bị điện;
- Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học;
- Sửa chữa máy móc, thiết bị;
- Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn;
- Sản xuất thiết bị điện khác;
- Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng;
- Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại;
- Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác;
- Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện;
- Sản xuất đồng hồ;
- Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển;
- Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng;
- Sản xuất thiết bị truyền thông;
- Sản xuất linh kiện điện tử;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TỔNG HỢP)

MẪU SỐ B 09a - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (Tiếp theo)

- Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại;
- Sản xuất các kết cấu kiện kim loại;
- Công nghệ thông tin (trừ các loại thông tin Nhà nước cấm và hoạt động báo chí);

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng, một số hợp đồng được thực hiện trong thời gian nhiều hơn 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Trụ sở chính đặt tại số 5, ngõ 200, đường Nguyễn Sơn, phường Bồ Đề, quận Long Biên, TP. Hà Nội.

Chi nhánh của Công ty đặt tại số 58 Trường Sơn, phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh. Chi nhánh được thành lập theo Quyết định số 107/QĐ-KTQLB ngày 09/02/2011 của Chủ tịch Công ty TNHH Kỹ thuật Quản lý Bay (bắt đầu hạch toán phụ thuộc ngày 01/04/2012).

Xí nghiệp Chế tạo thiết bị hàng không đặt tại Tô 15, phường Phúc Đồng, quận Long Biên, TP. Hà Nội được thành lập theo Quyết định số 502/QĐ-CTCT ngày 28/10/2014 của Chủ tịch Công ty TNHH Kỹ thuật Quản lý Bay (bắt đầu hạch toán phụ thuộc ngày 01/01/2015).

Ban quản lý dự án đầu tư và xây dựng chuyên ngành đặt tại số 5, ngõ 200, đường Nguyễn Sơn, phường Bồ Đề, quận Long Biên, TP Hà Nội được thành lập theo Quyết định số 08/QĐ-CTCT ngày 11/01/2017 của Chủ tịch Công ty TNHH Kỹ thuật Quản lý bay.

Các bên liên quan

Các bên được xác định là bên liên quan của Công ty trong năm bao gồm:

- Tổng Công ty Quản lý bay Việt Nam (Công ty mẹ).
- Công ty Quản lý bay Miền Bắc: là đơn vị trực thuộc Tổng Công ty Quản lý bay Việt Nam.
- Công ty Quản lý bay Miền Trung: là đơn vị trực thuộc Tổng Công ty Quản lý bay Việt Nam.
- Công ty Quản lý bay Miền Nam: là đơn vị trực thuộc Tổng Công ty Quản lý bay Việt Nam.
- Trung tâm Quản lý luồng không lưu – Chi nhánh Tổng công ty Quản lý bay Việt Nam: là đơn vị trực thuộc Tổng Công ty Quản lý bay Việt Nam.
- Trung tâm thông báo tin tức Hàng không - Chi nhánh Tổng công ty Quản lý bay Việt Nam: là đơn vị trực thuộc Tổng Công ty Quản lý bay Việt Nam.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TỔNG HỢP)

MẪU SỐ B 09a - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp thực tế đích danh. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

	2018
	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	05-25
Máy móc và thiết bị	03-15
Thiết bị văn phòng	03-08
Phương tiện vận tải	06-10

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị phần mềm máy tính, tài sản cố định vô hình khác và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TỔNG HỢP)

MẪU SỐ B 09a - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Phần mềm máy tính và tài sản cố định vô hình khác được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 03 - 08 năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Chi phí phải trả

Tại ngày 30/06/2018, Công ty đang tạm hạch toán một số chi phí chưa chi nhưng được ước tính để ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ như : Chi tiền điện, nước, phí duy trì hoạt động Quý 2/2018 của Trụ sở công ty , tiền trang phục ngành, tiền nghỉ mát, cước thuê đường truyền, thuê cơ sở hạ tầng...

Cơ sở xác định giá trị của những khoản chi phí trên:

Đối với chi phí duy trì hoạt động Quý 2/2018 của Trụ sở Công ty: Căn cứ theo hợp đồng số 31/2015/HĐ ngày 14/4/2015 ký với Trung tâm quản lý luồng không lưu để ghi nhận chi phí.

Chi phí trang phục ngành, tiền nghỉ mát: Căn cứ vào số liệu của kế hoạch năm 2018 đã được phê duyệt, tính cho 6 tháng đầu năm 2018.

Chi phí thuê đường truyền, thuê cơ sở hạ tầng cho các trạm : Căn cứ vào các hợp đồng đang thực hiện để ghi nhận chi phí.

Nợ phải trả

Nợ phải trả là số tiền có thể phải trả khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải trả được trình bày theo giá trị ghi sổ.

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ hoạt động.

Vốn đầu tư của Chủ sở hữu

Vốn chủ sở hữu của Công ty được ghi nhận trên cơ sở thực góp của Tổng Công ty Quản lý bay Việt Nam. Tại ngày 30/6/2018 Vốn góp của Chủ sở hữu là 279.084.000.000 đồng.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TỔNG HỢP)

MÃ SỐ B 09a - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để phân phối.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TỔNG HỢP)

MẪU SỐ B 09a - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>30/06/2018</u>	<u>01/01/2018</u>
	VND	VND
Tiền mặt	306.223.179	198.687.874
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	58.184.620.640	49.105.899.807
Các khoản tương đương tiền (i)	<u>40.764.815.392</u>	<u>59.267.331.521</u>
Cộng	<u>99.255.659.211</u>	<u>108.571.919.202</u>

(i) Các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn một tháng.

5. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	<u>30/06/2018</u>	<u>01/01/2018</u>
	VND	VND
<i>a. Phải thu khách hàng ngắn hạn</i>		
Tổng Công ty Quản lý bay Việt Nam	55.818.504.900	65.369.168.414
Ban Quản lý các dự án cầu Hải Phòng	5.900.422.213	5.900.422.213
Công ty TNHH một thành viên ứng dụng kỹ thuật và sản xuất	2.181.240.600	2.187.477.600
Công ty Quản lý bay Miền Bắc		2.135.921.466
Công ty cổ phần đầu tư phát triển Vân Đồn		1.647.393.490
Công ty Selex Systems Integration Inc		999.143.723
Quân chủng phòng không không quân	415.530.705	415.530.705
Cục Hàng không Singapore	<u>4.498.543.441</u>	
Các đối tượng khác	<u>445.576.673</u>	<u>203.118.517</u>
Cộng	<u>69.259.818.532</u>	<u>78.858.176.128</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TỔNG HỢP)

MẪU SỐ B 09a - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

6. PHẢI THU KHÁC

	<u>30/06/2018</u>	<u>01/01/2018</u>
	VND	VND
<i>a. Phải thu khác ngắn hạn</i>		
Ký cược, ký quỹ ngắn hạn	9.243.663.879	8.872.173.390
Các khoản Công ty chi hộ	332.298.100	20.878.558
Tạm ứng	1.444.437.292	1.157.743.222
CP phục vụ khảo sát các DA chuẩn bị đầu tư		
Phải thu khác	447.040.821	163.650.207
Cộng	<u>11.467.440.092</u>	<u>10.214.445.377</u>
<i>b. Phải thu khác dài hạn</i>		
Ký cược, ký quỹ dài hạn		10.000.000
Cộng	<u>-</u>	<u>10.000.000</u>

7. HÀNG TỒN KHO

	30/06/2018		01/01/2018	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Hàng mua đang đi đường		-		-
Nguyên liệu, vật liệu	4.133.904.371	(225.846.235)	4.190.881.798	(225.846.235)
Công cụ, dụng cụ;	190.809.411	(10.518.000)	185.927.595	(10.518.000)
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	10.456.620.108		10.456.620.108	
Thành phẩm	343.446.245	(2.257.697)	359.168.994	(2.257.697)
Hàng hóa	4.623.759	(3.559.921)	6.935.638	(3.559.921)
Cộng	<u>15.129.403.894</u>	<u>(242.181.853)</u>	<u>14.307.541.959</u>	<u>(242.181.853)</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TỔNG HỢP)

MÃ SỐ B 09a - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

8. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒI DANG

	<u>30/06/2018</u>	<u>01/01/2018</u>
	VND	VND
- Đầu tư cơ sở làm việc của Công ty TNHH KTQLB tại 58 TS	20.612.074.474	11.000.827.860
- Đầu tư đài dẫn đường VOR/DME Rạch Giá	3.908.318.495	1.599.721.458
- Đầu tư VHF/VSAT Cà Mau	1.055.168.512	740.935.585
- Báo cáo đầu tư thay thế thiết bị DVOR/DME đã khai thác trên 15 năm (Nội Bài, Đà Nẵng)	2.096.546.944	25.303.485
- Báo cáo phòng thí nghiệm kỹ thuật điện tử		2.526.648.431
- Các dự án khác	356.424.028	226.420.381
Cộng	<u>28.028.532.453</u>	<u>16.119.857.200</u>

9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	<u>30/06/2018</u>	<u>01/01/2018</u>
	VND	VND
a. Chi phí trả trước ngắn hạn	549.317.762	1.137.004.906
b. Chi phí trả trước dài hạn	975.510.151	1.591.079.853
Cộng	<u>1.524.827.913</u>	<u>2.728.084.759</u>

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH